



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCĐP 1:2023/HTh

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG
KỆO CU ĐƠ HÀ TĨNH**

Local technical regulation Ha Tinh Cu Do Candy

HÀ TĨNH - 2023

Lời nói đầu

QCĐP 1:2023/HTh do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương Kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh biên soạn, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, hoàn thiện trình duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành theo Quyết định số: 35/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2023

QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG
KẸO CU ĐƠ HÀ TĨNH
Local technical regulation Ha Tinh Cu Do Candy

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các chỉ tiêu về chất lượng, an toàn thực phẩm và các yêu cầu quản lý đối với sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này được áp dụng cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

3.1. Kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh: Là một sản phẩm đặc sản của tỉnh Hà Tĩnh, được sản xuất từ các nguyên liệu chính là mật mía, mạch nha, lạc, bánh đa, gừng và được bao gói theo khối lượng nhất định.

3.2. Chỉ tiêu loại A: Bắt buộc phải thử nghiệm để tự công bố sản phẩm.

3.3. Chỉ tiêu loại B: Không bắt buộc phải thử nghiệm để tự công bố sản phẩm nhưng tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải đáp ứng các yêu cầu đối với chỉ tiêu loại B.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

Điều 4. Yêu cầu đối với nguyên liệu

Các nguyên liệu dùng để sản xuất sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải đáp ứng các quy định sau:

4.1. Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

4.2. Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

4.3. QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

4.4. QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

4.5. Ngoài ra Lạc: Phải đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn TCVN 2383:2008 - Lạc.

Điều 5. Yêu cầu về các chỉ tiêu chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm kẹo Cu Đơ

5.1. Chỉ tiêu cảm quan, được quy định trong Bảng 1

Bảng 1 - Chỉ tiêu cảm quan

Stt	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu cảm quan	Phương pháp thử	Chỉ tiêu
1	Hình dạng bên ngoài	Kẹo có hình tròn theo khuôn mẫu hoặc có hình dạng khác, không bị biến dạng, nhân không bị chảy, kích thước kẹo trong cùng một gói tương đối đồng đều.	TCVN 4068:1985	B
2	Màu sắc	- Bên ngoài: Lớp bánh tráng có màu trắng ngà lẫn đen (hoặc vàng nhạt) của hạt vừng. - Bên trong: Màu nâu.		
3	Mùi vị	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm; vị ngọt; không có mùi, vị lạ.		
4	Trạng thái	- Bên ngoài: Lớp vỏ giòn. - Bên trong: dẻo, dai.		

5.2. Chỉ tiêu lý-hóa, được quy định trong Bảng 2

Bảng 2 - Chỉ tiêu lý-hóa

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định	Phương pháp thử	Chỉ tiêu
1	Độ ẩm	%	5 - 6,5	TCVN 4069:2009	B
2	Hàm lượng đường khử, tính theo glucoza	%	12 - 18,5	TCVN 4075:2009	B
3	Hàm lượng đường tổng số, tính theo sacaroza	%	≥ 30	TCVN 4074:2009	B
4	Hàm lượng tro không tan trong dung dịch axit clohydric 10 %	%	≤ 0,05	TCVN 4071:2009	B

5.3. Chỉ tiêu kim loại nặng, được quy định trong Bảng 3

Bảng 3 - Chỉ tiêu kim loại nặng

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép	Phương pháp thử	Chỉ tiêu
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,1	TCVN 8126:2009	A
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2	TCVN 8126:2009	A

5.4. Chỉ tiêu vi sinh vật, được quy định trong Bảng 4

Bảng 4 - Chỉ tiêu vi sinh vật

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép	Phương pháp thử	Chỉ tiêu
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴	TCVN 4884-1:2015	A
2	Coliforms	CFU/g	10	TCVN 6848:2007	A
3	E.coli	MPN/g	3	TCVN 7924-2:2008	A
4	S.aureus	CFU/g	10	TCVN 4830-1:2005	A
5	Cl. Perfringens	CFU/g	10	TCVN 4991:2005	A
6	B.cereus	CFU/g	10	TCVN 4992:2005	A
7	Tổng số bào tử nấm men mốc	CFU/g	10 ²	TCVN 8275-2:2010	A

5.5. Chỉ tiêu độc tố vi nấm, được quy định trong Bảng 5

Bảng 5 - Chỉ tiêu độc tố vi nấm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép	Phương pháp thử	Chỉ tiêu
1	Aflatoxin B1	µg/kg	8	AOAC 991.31 (2012)	A
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	15	AOAC 991.31 (2012)	A
3	Ochratoxin A	µg/kg	3	AOAC 2000.09	A

5.6. Phụ gia thực phẩm (chỉ tiêu loại A): Sử dụng các loại phụ gia thực phẩm và mức giới hạn tối đa quy định tại Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm; và các phụ gia khác được quy định tại các QCVN có liên quan.

**Chương III
QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ**

Điều 6. Lấy mẫu và phương pháp thử

6.1. Lấy mẫu

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2011/TT-BYT ngày 01/4/2011 của Bộ Y tế hướng dẫn chung về lấy mẫu thực phẩm phục vụ thanh tra, kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

6.2. Phương pháp thử

Các chỉ tiêu chất lượng và an toàn thực phẩm trong Quy chuẩn này được thử theo các phương pháp nêu tại Điều 5 (các phương pháp này không bắt buộc áp dụng, có thể sử dụng các phương pháp thử khác có độ chính xác cao hơn hoặc tương đương). Trường hợp nếu có tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện thì sử dụng các phương pháp thử nêu tại Điều 5 làm phương pháp trọng tài.

Điều 7. Bao gói, ghi nhãn và thể hiện dấu hợp quy CR

7.1. Bao gói

Vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp đối với sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

7.2. Ghi nhãn và thể hiện dấu hợp quy CR

7.2.1. Ghi nhãn

7.2.1.1. Yêu cầu chung

Việc ghi nhãn sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP. Vị trí nhãn sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP.

7.2.1.2. Nội dung nhãn hàng hóa

Nội dung ghi nhãn sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải bao gồm các thông tin sau đây:

Tên hàng hóa: “Kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh”;

Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa;

Xuất xứ;

Định lượng;

Ngày sản xuất;

Hạn sử dụng;

Thành phần hoặc thành phần định lượng;

Thông tin cảnh báo;

Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản.

7.2.2. Thể hiện dấu hợp quy CR

Dấu hợp quy CR phải được thể hiện một cách rõ ràng, dễ nhận biết, được in trực tiếp trên nhãn hàng hóa hoặc in trên chất liệu không thấm nước gắn trên bao gói và không bị bong, rách, mờ trong quá trình vận chuyển và sử dụng.

Hình dạng và kích thước của dấu hợp quy CR theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Dấu hợp quy CR phải được thể hiện kèm theo thông tin về số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật địa phương kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh.

Điều 8. Tự công bố sản phẩm

8.1. Sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh được sản xuất trên địa bàn tỉnh phải được tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm phù hợp với các quy định tại Điều 5 của Quy chuẩn kỹ thuật này và phải được gắn dấu hợp quy CR trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

8.2. Hồ sơ, trình tự tự công bố sản phẩm thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

Điều 9. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật

9.1. Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và giám sát đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh trên địa bàn tỉnh đảm bảo đáp ứng các quy định theo Quy chuẩn kỹ thuật này. Trong trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm với các quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật này thì tiến hành xử lý theo các quy định pháp luật hiện hành.

9.2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh trên địa bàn tỉnh chịu sự thanh tra, kiểm tra và giám sát việc chấp hành các quy định theo Quy chuẩn kỹ thuật này của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

10.1. Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải tự công bố sản phẩm phù hợp với các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường và đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm theo đúng nội dung đã công bố; thực hiện việc ghi nhãn hàng hóa, gắn dấu hợp quy CR phù hợp với các quy định của pháp luật.

10.2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh phải đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này; chỉ kinh doanh đối với sản phẩm kẹo Cu Đơ Hà Tĩnh đã thực hiện việc tự công bố sản phẩm, có nhãn hàng hóa, được gắn dấu hợp quy CR.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Giao Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này.

Điều 12. Căn cứ vào yêu cầu quản lý, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan liên quan đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chuẩn kỹ thuật này.

Điều 13. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các tiêu chuẩn viện dẫn tại Quy chuẩn kỹ thuật này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.